

Số: 74 /BCTKHĐT –THS2MM

Mường Mươn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024-2025**

1. Đánh giá công tác tổ chức và thực hiện quy chế dân chủ

1.1. Công tác tổ chức

Năm học 2024-2025, Hội đồng trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn. Cụ thể là:

Đã xây dựng kế hoạch hoạt động của hội đồng trong năm học, từng học kỳ. Tổ chức các cuộc họp thảo luận xây dựng giải pháp thực hiện. Giao nhiệm vụ cho từng thành viên trong hội đồng.

Đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường;

Đã giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường. Đã triển khai toàn diện các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức:

- Đã bố trí sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ công nhân viên chức theo đúng chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo tốt các hoạt động của nhà trường.

- Đã xây dựng giải pháp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tham gia đầy đủ các lớp học bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của cấp trên.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức như chế độ nâng lương đúng hạn, chế độ thu hút, chế độ lâu năm đề nghị lập danh sách đề án nâng ngạch, chuyển ngạch cho các đồng chí giáo viên đã có bằng Đại học, Cao đẳng theo quy định, chế độ bảo hiểm, tổ chức xét duyệt thi đua hàng năm theo quy chế thi đua khen thưởng.

1.2. Thực hiện quy chế dân chủ:

Đã giám sát việc xây dựng và ban hành quy định về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, cụ thể hóa Nghị định số Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 Nghị định của Chính Phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 11/2020 TT- BGD&ĐT ngày 19/05/2020 của Bộ Giáo dục về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường;

Thực hiện điều đặn chế độ giao ban hàng tháng, từng học kỳ, các Hội đồng tư vấn, Hội đồng khen thưởng - kỷ luật theo yêu cầu công việc, tổ chức Hội nghị viên chức và Hợp đồng lao động hàng năm theo đúng quy định.

Thực hiện công khai các quyền lợi có liên quan đến cán bộ viên chức, sử dụng tài sản, nâng ngạch, nâng lương chuyên chuyển điều động cán bộ, bố trí bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, tổ văn phòng, đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng. Thực hiện giám sát kiểm tra các hoạt động của nhà trường thông qua hoạt động của hội đồng trường, ban thanh tra nhân dân, các hoạt động kiểm tra tài chính của ngành.

2. Về công tác giảng dạy quản lý giáo dục

Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ GV- NV đã tích cực, nỗ lực trong mọi hoạt động các chỉ tiêu trong các năm học đều đạt và vượt kế hoạch đề ra trong Hội nghị công nhân viên chức và hợp đồng lao động đầu năm học.

Chất lượng giáo dục năm học 2024-2025 có những chuyển biến tích cực cả về chất lượng đại trà lẫn chất lượng mũi nhọn. trong năm qua sinh chất lượng giải cũng tăng nhiều. Có nhiều đột phá trong việc bút phá vươn lên.

Thực hiện tốt việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 1,2,3,4,5 theo chương trình GDPT 2018.

Đội ngũ cán bộ giáo viên luôn được quan tâm mọi mặt, vì thế chất lượng xếp loại cán bộ giáo viên luôn được đánh giá tốt. 100% giáo viên, nhân viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định.

2.1 Quy mô số lớp, số học sinh cụ thể :

Tên khối lớp	Thực hiện					Học sinh bán trú	
	Số lớp	Số học sinh				Tổng	Nữ
		T.số	Nữ	DT	KT		
1	5	55	23	54	0	1	0
2	3	61	35	61	1	2	1
3	3	65	34	65	0	43	21
4	2	60	28	60	0	38	18
5	2	60	25	60	0	33	12
Cộng	15	301	145	300	1	117	52

2.2. Đánh giá chất lượng học tập của học sinh

- **Kết quả xếp loại năng lực:**

Khối	TSHS	Tự chủ, tự học			Giao tiếp -Hợp tác			GQVĐ và sáng tạo		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1	55	31	24	0	30	25	0	30	25	0
2	61	34	27	0	34	27	0	34	27	0
3	65	36	29	0	34	31	0	35	30	0
4	60	34	26	0	34	26	0	34	26	0
	60	32	28	0	32	28	0	31	29	0
Tổng	301	167	134	0	164	137	0	64	137	0

NL đặc thù		Tổng số	Tỷ lệ	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tốt	166	55,1	30	54.5	35	57.4	34	52.3	34	56.7	33	55
2	Đạt	135	44,9	25	45.5	26	42.6	31	47.7	26	43.3	27	45
3	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tính toán													
1	Tốt	166	55,1	31	56.4	34	55.7	35	53.8	34	56.7	32	53.3
2	Đạt	135	44,9	24	43.6	27	44.3	30	46.2	26	43.3	28	46.7
3	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thẩm mỹ													
1	Tốt	169	56,1	30	54.5	35	57.4	37	56.9	34	56.7	33	55
2	Đạt	132	43,9	25	45.5	26	42.6	28	43.1	26	43.3	27	45
3	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thể chất													
1	Tốt	179	59,5	32	58.2	36	59	38	58.5	37	61.7	36	60
2	Đạt	122	40,5	23	41.8	25	41	27	41.5	23	38.3	24	40
3	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năng lực khoa học													
1	Tốt	169	56,1	30	54.5	35	57.4	37	56.9	35	58.3	32	53.3
2	Đạt	132	43,9	25	45.5	26	42.6	28	43.1	25	41.7	28	46.7
3	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năng lực Công nghệ													
1	Tốt	113	61.1					38	58.5	39	65	36	60
2	Đạt	72	38.9					27	41.5	21	35	24	40
3	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năng lực Tin học													
1	Tốt	107	57.8					38	58.5	35	58.3	34	56.7
2	Đạt	78	42.2					27	41.5	25	41.7	26	43.3
3	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Kết quả xếp loại Phẩm chất

Phẩm chất		Tổ ng số	Tỷ lệ	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Yêu nước				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tốt	201	66.8	35	63.6	43	70.5	39	60.0	44	73.3	40	66.7
2	Đạt	100	33.2	20	36.4	18	29.5	26	40.0	16	26.7	20	33.3
3	CCG												
Nhân ái													
1	Tốt	193	64.1	35	63.6	37	60.7	43	66.2	39	65.0	39	65.0
2	Đạt	108	35.9	20	36.4	24	39.3	22	33.8	21	35.0	21	35.0
3	CCG												
Chăm chỉ													
1	Tốt	183	60.8	34	61.8	36	59.0	42	64.6	36	60.0	35	58.3
2	Đạt	118	39.2	21	38.2	25	41.0	23	35.4	24	40.0	25	41.7
3	CCG												
Trung thực													
1	Tốt	197	65.4	35	63.6	40	65.6	43	66.2	42	70.0	37	61.7
2	Đạt	104	34.6	20	36.4	21	34.4	22	33.8	18	30.0	23	38.3
3	CCG												
Trách nhiệm													
1	Tốt	180	59.8	34	61.8	35	57.4	40	61.5	36	60.0	35	58.3
2	Đạt	121	40.2	21	38.2	26	42.6	25	38.5	24	40.0	25	41.7
3	CCG												

b, Kết quả xếp loại chất lượng các môn học, HĐGD

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
Tổng số học sinh		55		60		65		60		60		301	
Môn học	Mức độ đạt	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ	TS	Tỷ lệ
Tiếng Việt	HTT	26	47.3	28	45.9	30	46.2	26	43.3	28	46.7	138	45.8
	HT	29	52.7	32	52.5	32	49.2	33	55.0	32	53.3	158	52.5
	CHT	0	0.0	1	1.6	3	4.6	1	1.7	0	0.0	5	1.7
Toán	HTT	27	49.1	28	45.9	32	49.2	27	45.0	28	46.7	142	47.2
	HT	28	50.9	32	52.5	30	46.2	33	55.0	32	53.3	155	51.5
	CHT	0	0.0	1	1.6	3	4.6	0	0.0	0	0.0	4	1.3
Ngoại ngữ	HTT				0.0	31	47.7	26	43.3	27	45.0	84	45.4
	HT				0.0	31	47.7	34	56.7	33	55.0	98	53.0
	CHT				0.0	3	4.6	0	0.0	0	0.0	3	1.6

Đạo đức	HTT	28	50.9	30	49.2	37	56.9	28	46.7	29	48.3	152	50.5
	HT	27	49.1	31	50.8	28	43.1	32	53.3	31	51.7	149	49.5
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
TN&XH	HTT	28	50.9	30	49.2	36	55.4					94	51.9
	HT	27	49.1	31	50.8	29	44.6					87	48.1
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0					0	0.0
LS và Địa lý	HTT	0						30	50.0	28	46.7	58	48.3
	HT	0						30	50.0	32	53.3	62	51.7
	CHT	0						0	0.0	0	0.0	0	0.0
Khoa học	HTT	0						29	48.3	27	45.0	56	46.7
	HT	0						31	51.7	33	55.0	64	53.3
	CHT	0						0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tin học	HTT	0				34	52.3	26	43.3	27	45.0	87	47.0
	HT	0				28	43.1	34	56.7	33	55.0	95	51.4
	CHT	0				3	4.6	0	0.0	0	0.0	3	1.6
Công nghệ	HTT	0				34	52.3	26	43.3	28	46.7	88	47.6
	HT	0				29	44.6	34	56.7	32	53.3	95	51.4
	CHT	0				2	3.1	0	0.0	0	0.0	2	1.1
GDTC	HTT	29	52.7	35	57.4	36	55.4	30	50.0	31	51.7	161	53.5
	HT	26	47.3	26	42.6	29	44.6	30	50.0	29	48.3	140	46.5
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Nghệ thuật	Âm nhạc	26	47.3	29	47.5	35	53.8	26	43.3	29	48.3	145	48.2
		29	52.7	32	52.5	30	46.2	34	56.7	31	51.7	156	51.8
		0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
	Mĩ thuật	27	49.1	31	50.8	35	53.8	28	46.7	30	50.0	151	50.2
		28	50.9	30	49.2	30	46.2	32	53.3	30	50.0	150	49.8
		0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
HĐTN	HTT	29	52.7	30	49.2	36	55.4	26	43.3	27	45.0	148	49.2
	HT	26	47.3	31	50.8	29	44.6	34	56.7	33	55.0	153	50.8
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0

3.Chất lượng đội ngũ

Hội đồng trường đã giám sát hoạt động chuyên môn trường và các tổ chuyên môn được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Mỗi cán bộ giáo viên nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên để tự bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực CM và đổi mới phương pháp dạy phù hợp với điều kiện thực tế.

100% các Đ/c giáo viên nhà trường thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, nội quy của ngành, quy chế của trường. Chấp hành tốt sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương. Thực hiện nghiêm túc sự

chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý cấp trên. Không có giáo viên vi phạm quy chế chuyên môn, vi phạm pháp luật

Giáo viên nhà trường có đầy đủ các hồ sơ theo quy định, ghi chép các buổi sinh hoạt sư phạm chuyên đề đầy đủ. Nhiều giáo viên có hồ sơ khoa học, đảm bảo nội dung, 100% giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin, soạn bài trên máy tính.

100% giáo viên chấp hành tốt nội quy, quy chế chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trọng làm hồ sơ sổ sách, trong soạn giảng. Kết quả chất lượng hồ sơ sổ sách của nhà trường, của giáo viên, các tổ chuyên môn như sau:

- Đối với nhà trường : Có đủ các loại hồ sơ theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học (hồ sơ của BGH, hồ sơ phổ cập, hồ sơ của học sinh (học bạ, giấy khai sinh); các loại kế hoạch dài hạn, kế hoạch ngắn hạn. Các tổ chuyên môn xây dựng đầy đủ các loại hồ sơ, đảm bảo về nội dung. Khi xây dựng các loại kế hoạch đều bám sát văn bản chỉ đạo của các cấp, đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế của nhà trường và của địa phương. Các nhân viên thư viện, thiết bị, kế toán, y tế cũng có đầy đủ hồ sơ, thường xuyên cập nhật thông tin theo quy định.

*** Xếp loại chuyên môn nghiệp vụ**

CB, GV, NV nhà trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo trở lên và được tạo điều kiện học tập để nâng cao trình độ, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ. Tích cực hưởng ứng các cuộc thi, không ngừng tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả như sau:

***Tổng số giáo viên được đánh giá xếp loại : 25**

- Kết quả giảng dạy

- Giáo viên được công nhận GV dạy giỏi cấp trường: $8/25 = 32\%$
- Giáo viên được công nhận GV dạy giỏi cấp huyện: $9/25 = 36\%$,
- Giáo viên được công nhận GV dạy giỏi cấp tỉnh (bảo lưu): $3/25 = 12\%$;
- Giáo viên khá: $5/25 = 20\%$;

Giáo viên nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học. Được nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện nhiệm vụ dạy học, giáo dục học sinh. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các quyền lợi khác khi được cử đi học. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất: nâng lương định kỳ, nâng lương sớm, phụ cấp thâm niên, phụ cấp lâu năm. Về tinh thần: được thoải mái, dân chủ trong mọi hoạt động, được tham gia thường xuyên các hoạt động thể thao, giải trí do nhà trường tổ chức

4. Công tác quản lý tài chính, chế độ chính sách CBBGV-NV-HS

Hội đồng trường đã xây dựng kế hoạch, giám sát công tác quản lý tài sản, tài chính . Việc sử dụng đúng và hợp lý nguồn ngân sách được cấp. Đảm bảo được kinh phí cho các hoạt động thường xuyên, quản lý có hiệu quả các khoản thu chi trong nhà trường theo đúng luật ngân sách, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ của

cơ quan, Chi trả lương và các chế độ khác đúng đủ kịp thời cho giáo viên công nhân viên .

5.Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Khái quát về tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điểm trường, lớp ghép, trong đó có số liệu về số phòng học; số phòng chức năng; tên điểm trường, số lớp ghép, trình độ lớp ghép, số học sinh (nếu trường có điểm trường); cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú (nếu thực hiện).

Nhà trường có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học. Có đủ phòng học đảm bảo tỷ lệ 01 lớp/phòng để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Trường có 04 điểm trường lẻ (Huồi Ho, Huồi Meo, Pú vang, Pú Chả) có cơ sở vật chất đảm bảo, đủ điều kiện tổ chức các hoạt động dạy học. Có 01 lớp ghép trình độ 1 + 2 với 15 học sinh tại điểm Huồi Meo.

Nhà trường có 01 bếp nấu, 01 nhà ăn và khu nội trú phục vụ các nhu cầu của học sinh bán trú.

Số liệu cụ thể: Phòng học

Tổng số	Kiên cố	Bán KC	Phòng học tạm		
			Tổng số	Tạm 1	Tạm 2
15	9	1	5	5	

- Phòng chức năng, thư viện: 0

- Phòng công vụ cho giáo viên, phòng nội trú cho học sinh:

Phòng công vụ				Phòng nội trú			
T.Số	Kiên cố	Bán KC	Tạm	T.Số	Kiên cố	Bán KC	Tạm
7	0	2	5	4	0	4	0

Các phòng công vụ và phòng bán trú đáp ứng 100% nhu cầu của giáo viên và học sinh

6. Kết quả thi đua

***Thi đua của học sinh**

***Kết quả thi đua của học sinh**

Tỷ lệ HS hoàn thành xuất sắc: 60/301 đạt 19,9%

Hoàn thành tốt: 103/301 đạt 34,2%;

Hoàn thành : 138/301 đạt 45,9%

+ Học sinh HTCT lớp học 241/241 em

+ Học sinh HTCTTH 60/60 em đạt 100% (So với năm học 2022-2023 đạt 100%)

* Kết quả cuộc thi Olympic tiếng Anh qua Internet: 03 HS đạt cấp tỉnh,

* Kết quả Hội thi giao lưu văn hóa Môn Toán,Tiếng Việt cấp trường có 60 học sinh tham gia, có 26 học sinh đạt giải trong đó giải, Giải Nhì 03 em, giải Ba 03 em, Giải Khuyến khích 20 em.

* Kết quả Hội thi giao lưu văn hóa Môn Toán,Tiếng Việt cấp huyện có 10 HS đạt giải : trong đó 02 giải Ba; 08 giải khuyến khích;

* 04 học sinh đạt giải sân chơi Đầu trường Vioedu vòng thi cấp tỉnh trong

đó 01 giải vàng và 03 giải đồng.

* Sân chơi Đường đua lập trình cũng đạt được nhiều thành tích đáng tự hào: 05 học sinh lọt top 50 khu vực phía Bắc vòng thi bút phá.

* Đạt giải Nhất cuộc thi Đồ chơi ngoài trời tự làm cấp Tiểu học năm học 2024-2025 trong đó 03 đồ chơi giải A, 01 đồ chơi giải D.

* Tham gia cuộc thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 54 năm 2025 với tổng số 30 bài tham gi. Tham gia cuộc thi vẽ tranh Bác Hồ với Thiếu nhi- Thiếu nhi với Bác Hồ : 20 bài; Vẽ tranh Ý tưởng trẻ thơ gửi tham gia dự thi 35 bài.

*** Kết quả học sinh năm học 2024-2025 so với năm học 2023-2024**

+Tỉ lệ phẩm chất tốt tăng 2 em đạt 1,4% (từ 59,1% lên 59,5 % so với năm học 2023 -2024;

Tỉ lệ năng lực tốt tăng 6 em đạt 2,5% (từ 52,8% lên 54,2 % so với năm học 2023 -2024;

Tỷ lệ học sinh được khen thưởng tăng so với năm học 2023-2024;

***Thi đua của GV**

Năm học 2024-2025 nhà đề nghị UBND huyện công nhận tập thể lao động tiên tiến.

Cá nhân:

+ Danh hiệu lao động tiên tiến: 34/34 đồng chí đạt 100 %.

+ Chiến sỹ thi đua: 6 đồng chí đạt 17,6 %

+ Ủy ban nhân dân huyện khen: 10 đồng chí đạt 28,6 %

***Thi đua của tập thể nhà trường**

Đề nghị UBND huyện công nhận tập thể LĐTT, UBND huyện tặng GK;

7. Đánh giá chung

Hội đồng trường trong năm qua luôn hoạt động đúng theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học và đúng pháp luật

Luôn thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của hội đồng trường, hội đồng trường có kế hoạch, quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, thực hiện hoạt động có hiệu quả theo quy chế đã đề ra.

Nơi nhận:

-Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn
-Lưu HS; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Liễu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT TIỂU
HỌC SỐ 2 MƯỜNG MƯỜN

